

FDI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ: NGHIÊN CỨU TẠI CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO GIAI ĐOẠN 1990- 2012

Khamsen Sisavong*, Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Ngày nhận: 24/7/2014

Ngày nhận bản sửa: 16/8/2014

Ngày duyệt đăng: 25/8/2014

Tóm tắt:

Nghiên cứu về vai trò của FDI đối với phát triển kinh tế ở các quốc gia tiếp nhận đầu tư được cho là một trong những chủ đề rất quan trọng và đã thu hút sự chú ý của nhiều học giả trên thế giới. Bài viết này tập trung nghiên cứu về mối liên hệ giữa FDI và một số chỉ báo phát triển kinh tế tại Lào, nơi mà các nghiên cứu về vấn đề này còn rất hạn chế. Sử dụng dữ liệu của Ngân hàng Thế giới trong giai đoạn 1990-2012, các tác giả đã phân tích mối quan hệ tương quan giữa FDI và các chỉ báo phát triển kinh tế. Kết quả nghiên cứu góp phần làm phong phú thêm hiểu biết về vai trò của FDI đối với phát triển kinh tế ở bối cảnh một quốc gia đang phát triển như Lào. Dựa trên kết quả nghiên cứu, bài viết cũng đưa ra một số gợi ý chính sách nhằm tăng cường hiệu quả của FDI đối với sự phát triển kinh tế đất nước.

Từ khóa: FDI, phát triển kinh tế, Lào.

1. Giới thiệu

Nghiên cứu tác động của đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) đối với nền kinh tế nước tiếp nhận đầu tư được xem là một trong hai chủ đề quan trọng nhất và được nghiên cứu nhiều nhất trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế (Driffield và Love, 2007). Mặc dù FDI được cho là yếu tố có ảnh hưởng tới phát triển kinh tế ở cả các nước phát triển và các nước đang phát triển, vai trò quan trọng của FDI trong việc khuếch trương tăng trưởng kinh tế và mang lại nhiều lợi ích cho nền kinh tế đặc biệt được nhấn mạnh trong bối cảnh các nước đang phát triển. Nhờ các dòng FDI chuyển vào đất nước, nhiều quốc gia đang phát triển đã gạt hái được các lợi thế cho sự phát triển kinh tế của mình.

Tuy nhiên, kết quả các nghiên cứu trước về tác động của FDI cũng không hoàn toàn nhất quán, và

mối quan hệ giữa FDI với phát triển kinh tế dường như phụ thuộc vào từng quốc gia cụ thể, cũng như từng giai đoạn phát triển nhất định. Liệu các luồng FDI có mang lại lợi ích cho phát triển kinh tế hay không và các chính phủ cần làm gì để thu hút và sử dụng FDI một cách hiệu quả vẫn đang là chủ đề còn nhiều tranh cãi (Longani & Razin, 2001; Masina, 2002; Kokko & cộng sự, 2003). Vì vậy, việc nghiên cứu mối liên hệ giữa FDI và phát triển kinh tế trong bối cảnh ở Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (Lào) có ý nghĩa rất quan trọng vì đây là một quốc gia đang phát triển, chưa thu hút được nhiều sự quan tâm nghiên cứu của các học giả.

Nghiên cứu này tập trung xem xét mối liên hệ giữa FDI với sáu chỉ báo phát triển kinh tế của Lào trong giai đoạn 1990-2012. Nghiên cứu này có ý nghĩa và đóng góp quan trọng đối với Lào trong

việc thu hút và sử dụng có hiệu quả FDI và làm phong phú thêm hiểu biết về mối quan hệ giữa FDI với phát triển kinh tế trong bối cảnh của các nước đang phát triển. Bài viết gồm các phần chính sau: tiếp theo phần giới thiệu là tổng quan nghiên cứu về vai trò của FDI đối với phát triển kinh tế của một quốc gia. Sau đó, bài viết tiến hành phân tích mối quan hệ tương quan giữa FDI và các chỉ báo phát triển kinh tế tại Lào. Phần cuối bài viết trình bày kết luận nghiên cứu và đưa ra một số gợi ý chính sách nhằm tăng cường hiệu quả việc sử dụng FDI đối với phát triển kinh tế của đất nước.

2. Tổng quan nghiên cứu về vai trò của FDI đối với phát triển kinh tế

2.1. Phát triển kinh tế và các chỉ báo đo lường

Phát triển kinh tế (economic development) là một khái niệm mang tính chuẩn tắc. Theo Todaro (1994), phát triển kinh tế nói tới mức sống tăng lên, sự cải thiện về nhu cầu được nhận biết, sự tự do không bị áp bức, cũng như có được sự lựa chọn đầy đủ hơn của con người. Một phương pháp để đo sự phát triển là sử dụng chỉ số phát triển con người (Human Development Index), trong đó có tính tới tỷ lệ biết chữ và ước lượng tuổi thọ là những yếu tố tác động tới năng suất lao động và từ đó có thể dẫn tới tăng trưởng kinh tế. Điều này cũng cũng tạo ra nhiều cơ hội hơn trong lĩnh vực giáo dục, y tế, công ăn việc làm và bảo vệ môi trường. Như vậy, thu nhập bình quân đầu người của người dân cũng được tăng lên (Todaro, 1994).

Phát triển kinh tế cũng có thể được đề cập tới như là những sự thay đổi về lượng và chất trong nền kinh tế. Phát triển kinh tế liên quan tới phát triển về vốn con người, tăng tỷ lệ biết đọc, biết viết, cải thiện cơ sở hạ tầng, cải thiện sức khỏe và an toàn cũng như những lĩnh vực khác nhằm mục đích tăng phúc lợi của người dân. Khái niệm phát triển kinh tế và tăng trưởng kinh tế nhiều khi được sử dụng thay thế lẫn nhau mặc dù đây là hai khái niệm khác nhau. Tăng trưởng kinh tế là một phần của phát triển kinh tế, nói tới sự gia tăng sản lượng, còn phát triển kinh tế liên quan tới tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm đạt tới các mục tiêu phát triển.

Trong các nghiên cứu trước, nhiều học giả đã xem xét các khía cạnh khác nhau của phát triển kinh tế như tăng trưởng kinh tế, GDP trên đầu người, giao thông vận tải, mạng lưới thông tin, công nghệ,

luồng vốn tài chính, ngoại thương, và vốn con người (ví dụ, Adegbite & Ayadi, 2010; Kotrajaras & cộng sự, 2011; Mengistu & Adams, 2007; Phimphanthavong, 2012; Prasad & Sharma, 2012).

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích vai trò của FDI đối với phát triển kinh tế tại Lào. Cụ thể, nghiên cứu tập trung phân tích mối quan hệ tương quan giữa FDI với một số chỉ tiêu phát triển kinh tế:

- Tổng thu nhập quốc dân tính trên đầu người;
- Vốn tài chính;
- Trình độ công nghệ (Level of technology);
- Vốn con người (Human Capital);
- Các nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên (Energy and Natural resources);
- Vận tải và truyền thông (Transportation and Communication).

2.2. Vai trò của FDI đối với phát triển kinh tế

Có nhiều định nghĩa về đầu tư trực tiếp nước ngoài, tuy nhiên định nghĩa của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) được cho là định nghĩa mang tính khá phổ biến. Theo định nghĩa này, FDI nói tới số vốn ít nhất là 10% cổ phiếu thông thường hay sức nặng lá phiếu mà các nhà đầu tư không phải bán xứ có được trong một doanh nghiệp. Đầu tư trực tiếp cũng liên quan tới sự quan tâm mang tính lâu dài đối với việc quản lý một doanh nghiệp và bao gồm cả việc tái đầu tư lợi nhuận (Agrawal & Khan, 2011).

Các doanh nghiệp thực hiện việc đầu tư trực tiếp ở các nước khác được gọi là các công ty đa quốc gia (MNEs). MNEs được định nghĩa là “các công ty có trụ sở chính ở một quốc gia nhưng lại mở rộng hoạt động khai thác, thăm dò và/hoặc chế biến, kinh doanh sản phẩm ở các quốc gia khác” (Lee & Rugman, 2009; tr. 62).

Các doanh nghiệp lựa chọn đầu tư ở nước ngoài thường là những doanh nghiệp có tính cạnh tranh cao hơn so với các doanh nghiệp thỏa mãn với lựa chọn chỉ hoạt động trên thị trường nội địa. Không phải doanh nghiệp nào cũng lựa chọn FDI bởi vì đầu tư nước ngoài tiềm ẩn những rủi ro do mức độ không chắc chắn khi hoạt động ở thị trường nước khác. Tuy nhiên, rủi ro cao cũng đồng nghĩa với những hứa hẹn lợi ích mang lại lớn. Những doanh nghiệp nào có thể thành công với hoạt động đầu tư ra nước ngoài sẽ nhận được những phần thưởng to

lớn cho kinh doanh của mình.

Các học giả theo thuyết tăng trưởng mới Levine và Renelt (1992) đã chỉ ra rằng đầu tư trong đó có FDI là một trong những yếu tố quan trọng tác động tới tăng trưởng kinh tế (Adegbite & Ayadi, 2010). FDI giúp tăng cường các nguồn lực của một quốc gia cũng như nâng cao năng lực của doanh nghiệp trong các quốc gia tiếp nhận đầu tư. Đóng góp của FDI đối với sự phát triển của những nước tiếp nhận đầu tư có thể được thực hiện qua một vài kênh như chuyển giao nguồn lực tài chính trực tiếp cho những nước tiếp nhận FDI, tác động tràn về công nghệ và quản lý đối với các doanh nghiệp nội địa của các nước chủ nhà, và/hoặc giúp đỡ các nước chủ nhà tham gia vào thương mại toàn cầu, vào các mạng lưới công nghệ và đầu tư của các MNEs. Vai trò quan trọng của FDI đối với sự phát triển của các nước chủ nhà đã tăng lên trong thời gian gần đây do vai trò tiên phong của các MNEs – những doanh nghiệp chính thực hiện FDI (tham khảo Lee & Rugman, 2009).

Vai trò của FDI đối với tăng trưởng kinh tế đã được đề cập trong các nghiên cứu trước. Nhiều nghiên cứu cho rằng FDI góp phần nâng cao tăng trưởng kinh tế thông qua những tiến bộ về công nghệ, tăng tích lũy vốn và phát triển vốn con người (Chee & Nair, 2010).

Trong bối cảnh các nước đang phát triển, FDI có thể mang lại nhiều lợi ích cho nước chủ nhà nếu quốc gia này có đủ năng lực để tiếp nhận các công nghệ tiên tiến. Một nghiên cứu gần đây của Agrawal & Khan (2011) đã chỉ ra rằng FDI có tác động đáng kể tới tăng trưởng kinh tế ở Trung Quốc và Ấn Độ. Cụ thể, kết quả nghiên cứu cho thấy cứ tăng FDI lên 1% thì sẽ dẫn tới tăng GDP là 0,07% ở Trung Quốc và 0,02% ở Ấn Độ. Như vậy, FDI có thể có tác động không giống nhau tới tăng trưởng ở các quốc gia khác nhau.

Tương tự như trên, Prasad & Sharma (2012) ở Ấn Độ cũng chỉ ra FDI được cho là có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế. Thông qua nhiều con đường, FDI đã góp phần giúp Ấn Độ đạt được sự ổn định về tài chính, tăng trưởng và phát triển ở một mức độ nhất định.

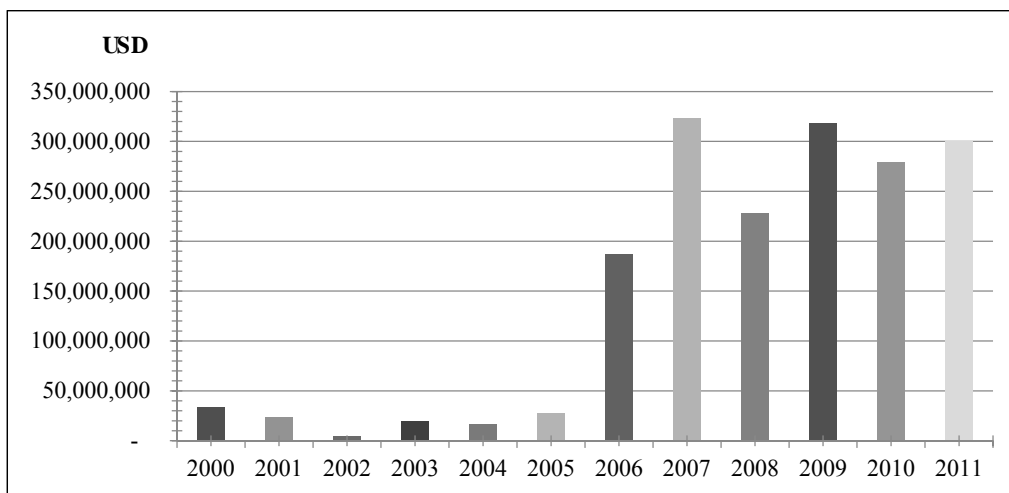
Theo ‘thuyết phụ thuộc’, tại các nước chủ nhà, FDI có thể sẽ chèn ép đầu tư trong nước, nới rộng khoảng cách thu nhập, đẩy nền kinh tế tiếp nhận các

công nghệ không phù hợp và tạo ra tình trạng thất nghiệp. Ngoài ra, khi MNCs xây dựng những nhà máy của họ để tận dụng lợi thế về nhân công rẻ, các chính sách ưu đãi của chính phủ và tiềm năng thị trường, các nước đang phát triển chỉ đạt được tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn. Sau đó, tăng trưởng có thể sẽ chậm lại hoặc nền kinh tế rơi vào tình trạng đình trệ. Nói cách khác, FDI có tác động tích cực tới tăng trưởng GDP trong ngắn hạn, nhưng về dài hạn nó có tác động tiêu cực tới nền kinh tế (Bornschieer & cộng sự, 1978). Ngoài ra, các công ty đa quốc gia (MNCs) sẽ trở nên giàu có nhờ việc khai thác nguồn nhân công và tài nguyên thiên nhiên ở các nước đang phát triển và làm cho những quốc gia này lệ thuộc vào nguồn vốn của họ (Amin, 1974 và Frank, 1979, trích dẫn trong Nguyen, 2008). Lợi nhuận mà MNCs thu được từ các nước đang phát triển sẽ được chuyển về đất nước của họ, khoảng cách thu nhập sẽ bị nới rộng ra, và từ đó nền kinh tế sẽ bị đình trệ.

Về tác động của FDI đối với công nghệ, nhiều nghiên cứu cho rằng MNCs thường chuyển giao những công nghệ đã cũ và đòi hỏi nhiều vốn. Tác động tiêu cực của chuyển giao công nghệ sẽ ảnh hưởng tới thất nghiệp, bất bình đẳng về thu nhập, và sản xuất bị thiên lệch về các sản phẩm khác biệt và phức tạp (Mossa, 2002, trích dẫn trong Nguyen, 2008). Ngoài ra, hiện tượng chuyển giá cũng là một vấn đề gắn liền với MNCs tại các nước tiếp nhận đầu tư. Nhìn chung, các học giả theo ‘thuyết phụ thuộc’ xem luồng FDI đổ vào các nước đang phát triển như là nguyên nhân gây ra sự đói nghèo ở các nước này (Nguyen, 2008).

Tóm lại, FDI được cho là một nhân tố quan trọng tác động tới phát triển kinh tế ở cả các nước phát triển và các nước đang phát triển. Tuy nhiên, vai trò quan trọng của FDI đối với tăng trưởng kinh tế và nhiều lợi ích khác mà nó mang lại được đặc biệt nhấn mạnh trong bối cảnh các nước đang phát triển. Mặc dù vậy, kết quả các nghiên cứu trước về vai trò của FDI cũng không hoàn toàn nhất quán. Có những quan điểm cho rằng tác động của FDI đối với phát triển kinh tế tùy thuộc vào mỗi quốc gia và tùy từng giai đoạn cụ thể. Vì vậy, việc nghiên cứu vai trò của FDI đối với phát triển kinh tế ở Lào – một nước đang phát triển sẽ mang lại những ý nghĩa quan trọng, đặc biệt khi quốc gia này còn nhận được rất ít sự quan tâm từ các nghiên cứu trước đây.

Hình 1: FDI ròng (BoP, USD)



Nguồn: World DataBank (2013)

3. Mối liên hệ giữa FDI và phát triển kinh tế tại Lào

3.1. Khái quát tình hình phát triển kinh tế và thu hút FDI tại Lào

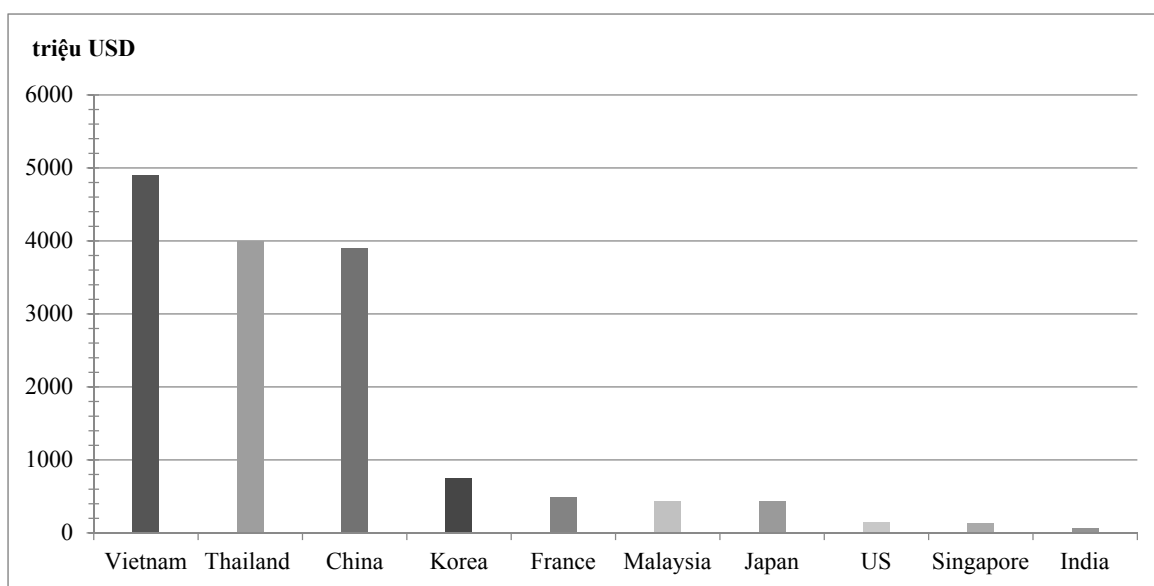
Lào là một nước đang phát triển nằm trong khu vực Đông Nam Á, không giáp biển, có biên giới phía đông giáp Việt Nam. Các chính sách cải cách kinh tế đã bắt đầu được thực hiện từ 1986. Sau cải cách, tốc độ tăng trưởng trung bình của Lào đã đạt mức khá cao (6% trong giai đoạn 1988 đến 2008, và vượt mức 7% trong giai đoạn 2008-2012). Năm 2011, Lào có tốc độ tăng trưởng GDP 8,3% và tăng trưởng công nghiệp là 17,7%. Dự kiến năm 2020 Lào sẽ thoát ra khỏi danh sách các nước kém phát

triển (Nguyễn T.T. Mai, 2012).

Kinh tế Lào hiện nay vẫn chủ yếu dựa vào nông nghiệp. Cơ sở hạ tầng của Lào còn chưa phát triển; hệ thống đường xá còn rất sơ khai; viễn thông, điện vẫn còn hạn chế, chưa cung cấp đầy đủ đến các vùng sâu vùng xa. FDI vào Lào tăng nhanh và chiếm một tỷ lệ khá cao trong GDP. Dòng vốn FDI là động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế của đất Lào.

Trước năm 1985, Lào không có dự án FDI nào. Từ sau khi chính phủ thực hiện cải cách kinh tế vào năm 1986, đặc biệt từ khi Luật Đầu tư được ban hành năm 1988, một lượng lớn các dự án FDI đã đổ vào Lào, và nền kinh tế đã bắt đầu khởi sắc. Số

Hình 2: Mười nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Lào (1989 – 2012)



Nguồn: Asia News Monitor (Bangkok) (2013)

lượng các dự án và giá trị đầu tư trong giai đoạn 1990-1996 đã tăng lên tới 571 dự án và USD 2 tỷ. Trong giai đoạn 1997-2000, do tác động của khủng hoảng kinh tế châu Á, các luồng FDI bị giảm sút, số lượng các dự án đầu tư còn 235 dự án, với giá trị đầu tư đạt mức USD 428 triệu.

Năm 2004, Lào đã đưa ra những khuyến khích lớn dành cho các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt về thuế. Kết quả là từ 2005, FDI đã tăng lên đáng kể, đặc biệt trong khu vực khai khoáng và thủy điện. Vào năm 2006, FDI tăng mạnh mẽ, đạt 187 triệu USD và năm 2007, FDI đạt mức cao nhất là 323,5 triệu USD.

FDI vào Lào đã giảm đáng kể vào năm 2008 do tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Giá trị dòng FDI danh nghĩa đã giảm xuống còn 227,7 triệu USD vào năm 2008 (giảm khoảng 30% so với 2007) do sự trì hoãn của các dự án mới về thủy điện và khai khoáng, cũng như sự tăng trưởng chậm chạp của các khu vực phi tài nguyên. Tuy vậy, FDI vào Lào đã nhanh chóng phục hồi, đạt khoảng 300 USD triệu/năm trong giai đoạn 2009- 2011 (xem Hình 1).

Hiện nay, Việt Nam đã trở thành nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Lào. Việt Nam đã có 429 dự án đầu tư vào Lào với tổng số vốn lên tới 4.9 tỷ USD. Đứng vị trí thứ hai là Thái Lan với 742 dự án đầu tư và giá trị đầu tư là 4 tỷ USD, và đứng thứ ba là Trung Quốc với 801 dự án và giá trị đầu tư là 3.9 tỷ USD (xem Hình 2).

3.2. *Mối quan hệ giữa FDI và phát triển kinh tế tại Lào*

3.2.1. *Các biến và đo lường*

FDI: đo bằng FDI ròng (BoP/cán cân thanh toán, giá trị hiện hành - USD)

Các chỉ báo về phát triển kinh tế:

Thu nhập quốc dân bình quân đầu người: là chỉ số kinh tế xác định tổng thu nhập của một quốc gia trong một thời gian, thường là một năm. Trong

nghiên cứu này, GNI bình quân đầu người của Lào được đo lường theo giá cố định năm 2005 (USD).

Vốn tài chính: đo lường qua các chỉ tiêu sau đây.

❖ *Tích lũy tài sản (gross capital formation)- % của GDP và tăng trưởng hàng năm (%): là chỉ tiêu phản ánh chi tiêu cho đầu tư tài sản cố định, đầu tư tài sản lưu động và tài sản quý hiếm trong một thời kỳ nhất định.*

❖ *Nợ tới hạn (% xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ và thu nhập chủ yếu)*

❖ *Nợ dài hạn bên ngoài phải trả (giá trị hiện hành- US\$)*

❖ *Tổng nợ bên ngoài phải trả (giá trị hiện hành- US\$)*

❖ *Lạm phát, GDP giảm phát (% hàng năm)*

Trình độ công nghệ: đo lường qua giá trị gia tăng công nghiệp (% GDP).

Vốn con người: đo lường qua các chỉ tiêu sau đây.

❖ *Ước lượng tuổi thọ (số năm)*

❖ *Tỷ lệ tử vong dưới 5 tuổi (trên 1000 trẻ sinh ra)*

❖ *Tỷ lệ đến trường cấp 2 (% tổng số)*

❖ *Tỷ lệ đến trường cấp 2 (% net)*

❖ *Tỷ lệ đến trường đại học, cao đẳng (% tổng số)*

Nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên: đo lường qua chỉ tiêu sau đây.

Tiêu thụ xăng dầu trên đầu người (thùng/ngày trên 1000 người)

Vận tải và truyền thông: đo lường qua các chỉ tiêu như sau.

❖ *Vận tải hàng không: số lượng hành khách.*

❖ *Vận tải hàng không: lượng hàng chuyên chở đã đăng ký*

❖ *Telephones: số đường dây sử dụng trên đầu*

Bảng 1: Phân tích tương quan giữa FDI và GNI trên đầu người

		GNI trên đầu người (giá trị 2005, US\$)
	Hệ số r	.881**
FDI ròng (BoP, US\$)	Sig. (2-tailed)	.000
	N	14

** : P<.001

Bảng 2: Phân tích tương quan giữa FDI và vốn tài chính

		Tích lũy tài sản (% GDP)	Tích lũy tài sản (tăng trưởng hàng năm %)	Nợ tới hạn (% xuất khẩu hàng hóa, DV & thu nhập chính)	Nợ dài hạn bên ngoài phải trả (TDS, US\$)	Tổng nợ bên ngoài phải trả (TDS, US\$)	Lạm phát, GDP giảm phát (%)
FDI ròng (BoP, US\$)	Hệ số r	.819**	-.167	.173	.820**	.812**	-.267
	Sig. (2-tailed)	.001	.623	.453	.000	.000	.229
	N	12	11	21	22	22	22

** : P<.001

người.

❖ *Số thuê bao internet bằng thông rộng cố định (trên 100 người)*

❖ *Số người truy cập internet (trên 100 người)*

❖ *Tổng mạng lưới đường xá (km)*

3.2.2. Dữ liệu và phân tích tương quan

Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu thứ cấp trong giai đoạn 1990-2012 từ Ngân hàng thế giới (World DataBank, 2013) và Index Mundi (2013). Phương pháp phân tích tương quan (Pearson correlation) được sử dụng để kiểm định mối liên hệ giữa FDI và sáu chỉ báo phát triển kinh tế của Lào. Kết quả phân tích tương quan cụ thể như sau.

- *FDI và GNI trên đầu người*

Như trình bày trong Bảng 1, hệ số tương quan Pearson giữa FDI ròng và GNI trên đầu người trong giai đoạn 1998-2011 ở mức cao ($r = 0.881 > 0.5$, $p <$

0.001). Kết quả này khẳng định mối quan hệ tương quan chặt chẽ và cùng chiều (quan hệ dương) giữa FDI và GNI trên đầu người.

- *FDI và Vốn tài chính*

Kết quả phân tích tương quan cho thấy giữa FDI với các chỉ tiêu vốn tài chính, gồm tích lũy tài sản (% của GDP), nợ dài hạn bên ngoài phải trả (TDS, US\$) và tổng nợ bên ngoài phải trả (TDS, USD) có mối quan hệ chặt chẽ, thuận chiều và có ý nghĩa thống kê (hệ số tương quan lần lượt là $r = 0.819$, $p < 0.001$; $r = 0.82$, $p < 0.001$; $r = 0.812$, $p < 0.001$). Trong khi đó, kết quả phân tích chỉ ra FDI không có quan hệ có ý nghĩa với các chỉ tiêu tích lũy tài sản (tăng trưởng hàng năm %), nợ tới hạn (% xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ và thu nhập chính), và lạm phát và GDP giảm phát (%) (xem Bảng 2).

- *FDI và Trình độ công nghệ*

Bảng 3: Phân tích tương quan giữa FDI và trình độ công nghệ

Công nghệ		Giá trị gia tăng công nghiệp (% GDP)
FDI ròng (BoP, US\$)	Hệ số r	.838**
	Sig. (2-tailed)	.000
	N	22

** : P<.001

Bảng 4: Phân tích tương quan giữa FDI và vốn con người

Vốn con người		Ước lượng tuổi thọ khi sinh (số năm)	Tỷ lệ tử vong dưới 5 tuổi (trên 1000 trẻ sinh ra)	Tỷ lệ đến trường cấp 2 (% tổng số)	Tỷ lệ đến trường cấp 2 (% net)	Tỷ lệ đến trường đại học, cao đẳng (% tổng số)
FDI ròng (BoP, US\$)	Hệ số r	.665**	-.705**	.538*	.621**	.856**
	Sig. (2-tailed)	.001	.000	.012	.006	.000
	N	22	22	21	18	20

** : P<.001

Bảng 5: Phân tích tương quan giữa FDI và nguồn năng lượng & TNTN

Nguồn năng lượng & TNTN		Chỉ số tiêu thụ xăng dầu trên đầu người (tháng/ngày/1000 người)
FDI ròng (BoP, US\$)	Hệ số r	-.271
	Sig. (2-tailed)	.481
	N	9

Bảng 6: Phân tích tương quan giữa FDI và vận tải & truyền thông

Vận tải & truyền thông		Vận tải hàng không: số lượng hành khách	Vận tải hàng không: lượng chuyên chở đã đăng ký	Số thuê bao sử dụng điện thoại di động (trên 100 người)	Số thuê bao internet băng thông rộng cố định (trên 100 người)	Số người truy cập internet (trên 100 người)	Tổng mạng lưới đường (km)
FDI ròng (BoP, US\$)	Hệ số r	.721**	.707**	.833**	.593	.815**	.896**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.055	.000	.006
	N	22	22	22	11	15	7

** : P < .001

Trong nghiên cứu này, do hạn chế về sự sẵn có của dữ liệu, trình độ công nghệ chỉ được phản ánh qua giá trị gia tăng của ngành. Hệ số tương quan Pearson giữa FDI ròng và giá trị gia tăng công nghiệp (% GDP) là 0.838. Kết quả này khẳng định mối quan hệ chặt chẽ và thuận chiều giữa FDI và trình độ công nghệ ($p < .001$) (xem Bảng 3).

- FDI và vốn con người

Kết quả phân tích ở Bảng 4 cho thấy, nhìn chung trong giai đoạn 1990-2012, FDI của Lào có mối quan hệ tương quan chặt chẽ và thuận chiều với các chỉ tiêu về vốn con người. Cụ thể, hệ số tương quan giữa FDI với ước lượng tuổi thọ khi sinh, tỷ lệ đến trường cấp 2 (% tổng số), tỷ lệ đến trường cấp 2 (% net) và tỷ lệ đến trường đại học, cao đẳng (% tổng số) lần lượt là: $r = 0.665$, $p < 0.001$; $r = 0.538$, $p < 0.001$; $r = 0.621$, $p < 0.001$, và $r = 0.856$, $p < 0.001$. Kết quả phân tích cũng cho thấy một điều thú vị là FDI có mối tương quan theo chiều nghịch với tỷ lệ tử vong của trẻ dưới 5 tuổi ($r = -0.705$, $p < 0.001$).

- FDI và Nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên (TNTN)

Kết quả phân tích (xem Bảng 5) đã chỉ ra giữa FDI ròng và mức tiêu thụ xăng dầu trên đầu người có mối quan hệ yếu, không có ý nghĩa thống kê ($r = -.271$, $p > 0.05$). Kết quả này không đưa ra được bằng chứng về mối quan hệ giữa FDI với nguồn năng lượng và TNTN tại Lào.

- FDI và Vận tải và truyền thông

Kết quả trình bày tại Bảng 6 cho thấy nhìn chung trong giai đoạn 1990-2012, FDI ròng của Lào có mối quan hệ rất chặt chẽ, theo chiều thuận với các chỉ tiêu của vận tải và truyền thông. Tất cả các hệ số tương quan đều đạt mức cao ($r > .70$, $p < 0.001$), trừ hệ số tương quan giữa FDI và số thuê bao internet băng thông rộng cố định ($r = .593$, $p > 0.05$).

4. Kết luận và đề xuất

Bài viết này nghiên cứu vai trò của FDI đối với phát triển kinh tế của Lào qua tập trung phân tích mối quan hệ tương quan giữa FDI và một số chỉ báo quan trọng về phát triển kinh tế của Lào trong giai đoạn 1990-2012. Kết quả phân tích cho thấy nhìn chung FDI có tác động tích cực tới các chỉ tiêu về GNI bình quân đầu người, vốn tài chính, trình độ công nghệ, vốn con người, giao thông vận tải và truyền thông. Như vậy, vai trò quan trọng của FDI đối với phát triển kinh tế đã tiếp tục được khẳng định qua nghiên cứu này.

Từ những kết quả nghiên cứu đạt được, bài viết đưa ra một số đề xuất nhằm phát huy hơn nữa đóng góp của FDI đối với phát triển kinh tế của Lào như sau:

Chính phủ cần có những chính sách để thu hút đầu tư nước ngoài, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài. Những chương trình mà Chính phủ cần hết sức quan tâm

thực hiện đó là hoàn thiện môi trường thể chế, nâng cấp cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ và năng lực của đội ngũ quản lý và người lao động.

Chính phủ cần phải xây dựng năng lực kiểm soát, điều tiết và định hướng FDI vào các khu vực mà có thể giúp nền kinh tế trong nước phát triển đúng hướng và mạnh mẽ hơn. Như các nghiên cứu trước đã chỉ ra, tác động của FDI tùy thuộc vào đặc điểm và năng lực của mỗi quốc gia. Để thực sự phát huy được vai trò tích cực của FDI đối với phát triển kinh tế, điều quan trọng là nước tiếp nhận đầu tư cần phải quan tâm và có khả năng đánh giá và sàng lọc các dự án FDI đăng ký đầu tư, cung cấp các chính sách hỗ trợ, khuyến khích khác nhau đối với các doanh nghiệp khác nhau, và thậm chí cần mạnh dạn không tiếp nhận một số dạng đầu tư nhất định.

Các nhà hoạch định chính sách cũng cần có cơ

chế tác động tới các tập đoàn đa quốc gia – những doanh nghiệp chủ chốt thực hiện FDI, để họ thực hiện các chiến lược kinh doanh không chỉ hướng tới lợi ích tối đa hóa lợi nhuận của bản thân doanh nghiệp mà cần cam kết đối với sự phát triển tổng thể của Lào. Điều này về lâu dài sẽ mang lại lợi ích cho nền kinh tế và người dân, và qua đó đảm bảo một thị trường bền vững cho chính các MNCs.

Tóm lại, nghiên cứu này góp phần làm phong phú thêm những khám phá về vai trò của FDI đối với phát triển kinh tế trong bối cảnh của Lào - một nước đang phát triển ở châu Á. Nghiên cứu cũng đưa ra một số gợi ý quan trọng cho các nhà hoạch định chính sách trong việc thu hút FDI, và quan trọng hơn là làm thế nào để khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn FDI phục vụ cho phát triển kinh tế của đất nước. □

Tài liệu tham khảo

- Adegbite, E.O. & Ayadi, F.S. (2010), 'The role of foreign direct investment in economic development: A study of Nigeria', *World Journal of Entrepreneurship, Management and Sustainable Development*, 6 (1/2), tr. 133-147.
- Agrawal, G. & Khan, M. A. (2011), 'Impact of FDI on GDP: A comparative study of China and India', *International Journal of Business and Management*, 6 (10), tr. 71-79.
- Asia News Monitor (Bangkok) (2013), truy cập từ <http://search.proquest.com/docview/1287970695?accountid=134628>.
- Bornschier, V., Chase-Dunn, C. & Rubinson, R. (1978), 'Cross national evidence of the effects of foreign investment and aid on economic growth and inequality: A survey of findings and reanalysis', *American Journal of Sociology*, 84, tr. 651-683.
- Chee, Y. & Nair, M. (2010), 'The impact of FDI and financial sector development on economic growth: Empirical evidence from Asia and Oceania', *International Journal of Economics and Finance*, 2 (2), tr. 107-119.
- Driffield, N. & J.H. Love (2007), 'Linking FDI motivation and host economy productivity effects: Conceptual and empirical analysis', *Journal of International Business Studies*, 38, tr. 460-473.
- Index Mundi (2013), Historical Data, truy cập từ <http://www.indexmundi.com/g/>.
- Kokko, A., Kotoglou, K. & Krohwinkel-Karlsson, K. (2003), 'Characteristics of failed FDI projects in Vietnam', *Transnational Corporations*, 12, tr. 41-77.
- Kotrajaras, P., Bangorn Tubtintong & Paitoon Wiboonchutikula (2011), 'Does FDI enhance economic growth? New evidence from East Asia', *ASEAN Economic Bulletin*, 28 (2), tr. 183-202.
- Lee, I. H. & Rugman, A.M. (2009), 'Multinational and public policy in Korea', *Asian Business & Management*, 8 (1), tr. 59-82.
- Levine, R., & Renelt, D. (1992), 'A sensitivity analysis of cross-country regressions', *The American Economic Review*, 82 (4), tr. 942-963.
- Longani, P. & Razin, A. (2001), 'How beneficial is Foreign Direct Investment?' *Finance and Development*, 38, tr. 6-9.
- Masina, P. (2002), 'Vietnam and the regional crisis: the case of a late comer', *European Journal of East Asian Stud-*

- ies, 1, tr. 199-220.
- Mengistu, B. & Adams, S. (2007), 'Foreign direct investment, governance and economic development in developing countries', *Journal of Macroeconomics*, 32 (2), tr. 223-249.
- Nguyen, P. L. (2008), 'Foreign direct investment and economic growth in Vietnam', Dissertation at University of South Australia.
- Nguyễn Thị Tuyết Mai (2012), 'Cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào thị trường viễn thông tại Lào', Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân & Đại học Quốc gia Lào, Vientiane, Lào.
- Phimphanthavong, H. (2012), 'Economic reform and regional development of Laos', *Modern Economy*, 3, tr. 179-186.
- Prasad, Bhavani & Sharma, H. P. (2012), 'Impact of FDI on economic development of India', *International Journal of Marketing and Technology* 2 (6), tr. 131-149.
- Todaro, M. P. (1994), *Economic development*, Longman Publishing Group.
- World DataBank (2013), truy cập từ <http://databank.worldbank.org/data/views/reports/tableview.aspx>.

FDI and economic development: The case of Laos

Abstract:

Investigation into the effects of FDI on the economies of host countries has attracted much attention from previous studies. However, there are still inconclusive arguments for and against the role of FDI inflows in enhancing economic development in a country. This study aims to examine the correlations between FDI and several economic development indicators in the context of Laos. The study is important to help Laos enjoy further economic development as well as contributes to the literature of FDI and economic growth in the context of developing countries. The findings suggest some implications for policy makers in Laos.

Thông tin tác giả:

***Khamseen Sisavong**, Thạc sĩ, nghiên cứu sinh

- Tổ chức tác giả công tác: Chủ tịch Tập đoàn giáo dục Sengsavanh, Lào.

- Địa chỉ liên lạc: Địa chỉ email: ksisavong@hotmail.com

****Nguyễn Thị Tuyết Mai**, Phó giáo sư, tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh

- Địa chỉ liên lạc: Địa chỉ email: tuyetmaisdh@neu.edu.vn